



**NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI VÀ GỢI Ý TÀI LIỆU THAM KHẢO
KỶ THI TUYỂN VIÊN CHỨC**

Vị trí: Kế toán viên

A. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI

I. MÔN KIẾN THỨC CHUNG

1. Nội dung thi

1.1. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về hoàn thiện bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

1.2. Tổ chức bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan Tư pháp từ Trung ương đến địa phương (Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công tác Tư pháp cấp xã); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia.

1.4. Các quy định về viên chức, quyền và nghĩa vụ của viên chức.

2. Hình thức thi

Thi viết (thời gian 120 phút).

II. MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

1. Nội dung thi

1.1. Các quy định pháp luật về kế toán, tài chính, ngân sách.

1.2. Tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch kế toán viên.

1.3. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và kế toán viên trong lĩnh vực kế toán.

1.4. Chế độ tài chính, kế toán trong đơn vị sự nghiệp công lập.

1.5. Một số chế độ chi, nội dung chi: chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hình thức thi

Thi viết (thời gian 180 phút);

Thi thực hành thông qua phỏng vấn (thời gian tối đa là 30 phút/01 thí sinh).

III. MÔN NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

1. Nội dung thi

Theo trình độ tương đương bậc 2/6 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương với bậc A2 trở lên trong Khung tham chiếu chung Châu Âu)

2. Hình thức thi

Thi viết (thời gian 60 phút).

IV. MÔN TIN HỌC

1. Nội dung thi

Theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2. Hình thức thi

Thi trắc nghiệm (thời gian 30 phút).

V. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MỘT SỐ MÔN:

Người đăng ký dự tuyển được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc tin học trong các trường hợp sau:

1. Miễn thi môn ngoại ngữ trong trường hợp môn nghiệp vụ chuyên ngành không phải là ngoại ngữ nếu có một trong các điều kiện sau:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

2. Miễn thi môn tin học văn phòng trong trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

B. GỢI Ý TÀI LIỆU THAM KHẢO:

I. MÔN KIẾN THỨC CHUNG

1. Các vấn đề chung

1.1 Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII; Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ban hành Chương trình Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng;

1.2 Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

1.3 Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020.

2. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

2.1 Hiến pháp năm 2013;

2.2 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014;

2.3 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015;

2.4 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

3. Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy cơ quan tư pháp

3.1 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

3.2 Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

3.3 Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

3.4 Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

3.5 Quyết định số 97/QĐ-BTP ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia;

3.6 Quyết định số 1902/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Tư pháp.

4. Các quy định về viên chức, quyền và nghĩa vụ của viên chức

4.1 Luật viên chức năm 2010;

4.2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2007, năm 2012;

4.3 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013;

4.4 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

4.5 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;



4.6 Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;

4.7 Quyết định số 2659/QĐ-BTP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tư pháp về ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp.

II. MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

1. Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;
2. Luật Kế toán năm 2015;
3. Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
4. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
5. Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;
6. Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập;
7. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
8. Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;
9. Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;
10. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;
11. Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
12. Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11 tháng 9 năm 2010 của Bộ Nội vụ ban hành chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;
13. Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;
14. Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân

sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

15. Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

16. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

17. Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. /

